

Số: **429**/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **13** tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 (giai đoạn I)

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP, ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Dân tộc thiểu số,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020” (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Vụ Dân tộc thiểu số chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo Kế hoạch được phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Dân tộc thiểu số, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT, CNUB (để b/c);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN);
- CQ công tác DT các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Vụ KHTC (UBND);
- Website UBND;
- Lưu VT, DTTS (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Hoàng Xuân Lương



KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020”

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~4~~ 19/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015, Ủy ban Dân tộc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020” (giai đoạn I) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg;

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của xã hội, cộng đồng và người dân vùng dân tộc thiểu số trong thực hiện các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình;

- Tạo sự đồng thuận trong xã hội nhằm ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số.

2. Yêu cầu

- Các hoạt động thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Đề án phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về hôn nhân và gia đình;

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, cung cấp thông tin, phổ biến pháp luật; truyền thông, vận động, tư vấn, can thiệp, hỗ trợ... nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng, nhất là ở các địa bàn vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ hoặc nguy cơ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao;

- Đề cao trách nhiệm và huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia công tác tuyên truyền, vận động xóa bỏ những hủ tục lạc hậu trong hôn nhân còn tồn tại ở một số dân tộc thiểu số;

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Vùng dân tộc thiểu số, chủ trọng khu vực miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ
- Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam bộ.

2. Đối tượng

- Thanh niên, vị thành niên (nam/nữ) là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn/tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Phụ huynh học sinh/cha mẹ của nam nữ thanh niên trong độ tuổi vị thành niên;

- Cán bộ cơ sở tham gia tuyên truyền, ngăn ngừa tảo hôn và kết hôn cận huyết thống ở vùng dân tộc thiểu số;

- Già làng, trưởng thôn bản, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số;

- Các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia thực hiện Đề án.

3. Thời gian thực hiện Đề án giai đoạn I: Từ năm 2015 đến năm 2020

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Khảo sát, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện Đề án

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Khảo sát, đánh giá, xác định về nhận thức, hiểu biết và nhu cầu thông tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với các quy định của pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình. Xác định các thông điệp, phương thức truyền thông, xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp phù hợp với cộng đồng.

- Khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện Đề án hằng năm và giai đoạn 2015-2020;

b) Phương thức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan triển khai thực hiện.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 và 2020

d) Nhu cầu kinh phí: 600 triệu đồng (300 triệu đồng/năm).

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số trong hôn nhân và tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Hướng dẫn, triển khai các hoạt động phù hợp với các yếu tố về văn hóa, giới, lứa tuổi và dân tộc để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, vận động xóa bỏ những hủ tục lạc hậu và ngăn ngừa, hạn chế tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: mở các chuyên trang, chuyên mục trên các báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, đài truyền hình, đài tiếng nói và qua hệ thống thông tin, truyền thanh tuyến xã;

- Cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông (tiếng Việt, tiếng dân tộc);

- Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật; xây dựng tiểu phẩm băng tiếng, băng hình, đĩa hình truyền thông;

- Tuyên truyền, vận động thông qua hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật; qua các hoạt động tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí tại cộng đồng và lưu động tại thôn bản;

- Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hoạt động giao lưu văn hóa, lễ hội, hoạt động hòa giải tại cộng đồng, các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt của chính quyền, đoàn thể, hoạt động ngoại khóa trong trường học, các câu lạc bộ, các tổ, nhóm;

- Đề cao và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia thực hiện tuyên truyền, vận động đồng bào xóa bỏ những hủ tục lạc hậu và phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

b) Phương thức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Kinh phí thực hiện: 9.600 triệu đồng (ước tính 1.500 triệu đồng/năm).

3. Biên soạn, cung cấp thông tin, tài liệu, sản phẩm tuyên truyền về hôn nhân và ngăn ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống

a) Các tài liệu, sản phẩm tuyên truyền chủ yếu:

- Tài liệu hệ thống hóa các văn bản pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

- Tài liệu hướng dẫn, tìm hiểu pháp luật về hôn nhân và gia đình; về tác hại, hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Tài liệu giới thiệu về những phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc trong hôn nhân và những hủ tục lạc hậu trong hôn nhân cần vận động xóa bỏ;

- Tài liệu Hỏi- đáp pháp luật về hôn nhân, về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Những nội dung cần biết về pháp luật hôn nhân và gia đình; về tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;

- Tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình trên hệ thống truyền thanh cơ sở;

- Sổ tay tuyên truyền các loại (như: Sổ tay tuyên truyền viên thôn bản; Sổ tay lồng ghép tuyên truyền ngăn ngừa tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và chăm sóc sức khỏe sinh sản;...);

- Sách, tài liệu nghiên cứu, tham khảo liên quan khác;

- Tờ rơi, tờ gấp, pa nô, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu,... tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình;

- Xây dựng tiểu phẩm băng tiếng, băng hình, đĩa hình truyền thông; xây dựng chuyên mục, chương trình tuyên truyền phổ biến pháp luật liên quan trên đài, báo, tạp chí...

b) Phương thức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức biên soạn, cung cấp tài liệu, sản phẩm sản truyền thông để tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số trong hôn nhân.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Kinh phí thực hiện: 7.500 triệu đồng (ước tính 1.000 -1.500 triệu đồng/năm).

4. Xây dựng, triển khai, nhân rộng mô hình điểm đối với địa bàn vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ hoặc nguy cơ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Nghiên cứu, triển khai các hoạt động truyền thông, vận động, tư vấn, can thiệp nhằm thay đổi hành vi, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số;

- Tổng kết, đánh giá thực hiện Mô hình điểm và nhân rộng.

b) Địa bàn, thời gian thực hiện:

- Lựa chọn 15 tỉnh (3 tỉnh/vùng), mỗi tỉnh xây dựng 2 mô hình điểm phù hợp (01 mô hình triển khai ở xã, 01 mô hình triển khai ở trường học) để triển khai thực hiện trong 3 năm (2016-2018).

- Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện mô hình điểm (năm 2018) và triển khai nhân rộng đối với địa bàn vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ/nguy cơ

02 mô hình) vùng dân tộc thiểu số có tỷ lệ/nguy cơ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao.

c) Phương thức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo Ban Dân tộc các tỉnh xây dựng, triển khai và nhân rộng mô hình điểm tại địa phương.

d) Kinh phí thực hiện: 6.600 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện mô hình điểm (2016-2018): 3.600 triệu đồng (dự kiến 40 triệu đồng/mô hình/năm x 30 mô hình x 3 năm);

- Kinh phí triển khai nhân rộng (2019-2020): 3.000 triệu đồng (30 triệu đồng/mô hình/năm x 50 mô hình x 2 năm).

5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, lễ hội

a) Các hoạt động chủ yếu: cung cấp thông tin, trao đổi, thảo luận, tuyên truyền, phổ biến và kiến nghị, đề xuất nhằm hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số.

b) Phương thức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức quốc tế liên quan tổ chức thực hiện.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Kinh phí thực hiện: 1.800 triệu đồng (ước tính 300 triệu đồng/năm).

6. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức tham gia thực hiện Đề án

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Biên soạn, cung cấp tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tuyên truyền và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng dân tộc thiểu số;

- Tổ chức thăm quan, học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia thực hiện Đề án.

b) Phương thức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Kinh phí thực hiện: 3.000 triệu đồng (ước tính 500 triệu đồng/năm).

7. Các hoạt động khác

Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác (trong và ngoài nước), huy động nguồn viện trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện Đề án.

8. Quản lý, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án

a) Các hoạt động chủ yếu:

- Đưa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình, phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm của chính quyền các cấp ở địa phương;

- Xây dựng, đưa các qui định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, các qui định pháp luật liên quan khác vào hương ước, quy ước, tiêu chuẩn bản làng văn hóa, gia đình văn hoá;

- Phối hợp chặt chẽ và tăng cường các hoạt động giao lưu giữa các địa phương lân cận và thực hiện ngăn ngừa, phòng chống nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

b) Phương thức thực hiện: Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án.

c) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Kinh phí thực hiện: 1.200 triệu đồng (ước tính 200 triệu đồng/năm).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí

a) Từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

b) Các nguồn tài chính hợp pháp khác: Nguồn kinh phí viện trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách Nhà nước

a) Ngân sách Trung ương bảo đảm các hoạt động thực hiện Đề án do Ủy ban Dân tộc thực hiện:

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn I (2015-2020) là 31.800 triệu đồng (*có Phụ lục kinh phí kèm theo*).

b) Đối với các địa phương, kinh phí thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn tỉnh (theo kế hoạch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt)

được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của tỉnh, thành phố theo phân cấp quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015;

- Tổ chức triển khai các hoạt động theo Kế hoạch được phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án giai đoạn 2015-2020;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Mô hình điểm và các hoạt động của Đề án; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án giai đoạn I (2015-2020) và đề xuất kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn II (2021-2025).

b) Giao Vụ Dân tộc thiểu số là đơn vị đầu mối, chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan tham mưu giúp Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án.

2. Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương liên quan theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện và phối hợp với Ủy ban Dân tộc triển khai các hoạt động liên quan góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan công tác dân tộc tỉnh và các cơ quan chức năng liên quan xây dựng kế hoạch và kinh phí hằng năm, dài hạn triển khai thực hiện Đề án phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể của từng địa phương; định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

ỦY BAN DÂN TỘC

PHỤ LỤC
NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN I: 2015-2020
(Kèm theo Kế hoạch thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn I: 2015 - 2020")

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung hoạt động chính	Năm 2015	Dự kiến kế hoạch kinh phí trung hạn 5 năm (2016-2020)						Ghi chú
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng	
		6.000	5.000	4.600	4.800	5.400	6.000	25.800	
1	Khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án		300				300	600	
2	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	2.100	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	7.500	
3	Biên soạn, cung cấp thông tin, tài liệu, sản phẩm tuyên truyền	2.500	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000	
4	Xây dựng, triển khai thực hiện mô hình điểm đối với một số dân tộc, địa bàn có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao	500	1.200	1.200	1.200	1.500	1.500	6.600	
5	Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện Đề án	500	500	500	500	500	500	2.500	
6	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, lễ hội	200	300	200	400	200	500	1.600	
7	Quản lý, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án	200	200	200	200	200	200	1.000	